

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 27/4/2023
V/v: "Xin ly hôn và nuôi con chung".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Rạng Đông

Ông Dương Tấn Đầu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Ông Lê Văn Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 54/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc "Xin ly hôn và nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị Thu Đ**, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp CTT, xã CD, Tp PQ, tỉnh KG.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp CTT, xã CD, Tp PQ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị Thu Đ trình bày:

Năm 2011, tôi và chồng Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn DĐ, huyện PQ (nay là phường DĐ, thành phố PQ), tỉnh KG, số 174/2011 ngày 07/9/2011.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Đến đầu năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T đưa tiền cho tôi không đủ để trang trải trong gia đình nên gia đình luôn trong tình trạng thiếu thốn, ngoài ra ông T còn đánh tôi phải nhập viện nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Tôi và ông T sống ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay. Vì nghĩ đến hạnh phúc gia đình

nên tôi kéo dài cuộc sống hôn nhân cho đến nay nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, nếu có kéo dài cũng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi những vấn đề sau đây:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Đặng NC , sinh ngày 22/12/2012 và Nguyễn Đặng Thi T, sinh ngày 15/11/2018. Tôi đồng ý giao cháu Nguyễn Đặng NC cho ông Tnuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tôi yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đặng Thi T đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân, con chung, tài sản chung, công nợ chung, vợ tôi (Đ) trình bày là đúng. Nay vợ tôi xin ly hôn với tôi thì tôi không đồng ý vì tôi còn thương vợ con, tôi mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc con.

Nếu Tòa án giải quyết cho chúng tôi ly hôn thì về con chung tôi yêu cầu được nuôi dưỡng hai con cho đến tuổi trưởng thành. Tôi không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc đề nghị HĐXX căn cứ Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Đ được ly hôn với ông T .

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung Nguyễn Đặng NC , sinh ngày 22/12/2012 cho ông Nguyễn Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung; Giao con chung Nguyễn Đặng Thi T , sinh ngày 15/11/2018 cho bà Đặng Thị Thu Đ chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không có yêu cầu, đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung: Do bà Đ , ông T tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

Về công nợ chung: Đương sự xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Đặng Thị Thu Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung với ông Nguyễn Văn T nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Xin ly hôn và nuôi con chung”. Bị đơn cư trú tại thành phố PQ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố PQ, tỉnh KG.

[2] Về nội dung vụ án:

Năm 2011, bà Đ và ông T tự nguyện tìm hiểu chung sống vợ chồng, có

đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ĐĐ, huyện Phú Quốc (nay là phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc), tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 174/2011 ngày 07/9/2011 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Đến đầu năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo lời trình bày của bà Đ là do vấn đề tiền bạc trong gia đình và ông T thường xuyên đánh đập bà. Do đó, bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay. Ông T thừa nhận lời trình bày của bà Đ là đúng nhưng không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn yêu thương vợ con.

Xét yêu cầu của bà Đ nhận thấy: Ông T đã thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn như lời trình bày của bà Đ. Đồng thời, căn cứ vào lời khai của bà Trần Thị Kim C ngày 07/4/2023 xác định được lời khai của bà Đ là đúng sự thật. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà Đ và ông T đã thật sự trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể hàn gắn, nếu có kéo dài thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu khởi kiện của bà Đ được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Đ và ông T xác nhận có 02 người con chung là Nguyễn Đặng NC, sinh ngày 22/12/2012 và Nguyễn Đặng Thi T, sinh ngày 15/11/2018. Bà Đ thì yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, còn cháu Ca thì đồng ý giao cho ông T nuôi dưỡng trong khi ông T thì yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung. Tại bản tự khai ngày 06/4/2023 cháu Ca thể hiện nguyện vọng muốn được sống với cha. Riêng cháu T còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ. Hiện nay bà Đ cũng có nơi ở và công việc ổn định đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, HĐXX thống nhất giao cháu T cho bà Đ nuôi dưỡng là thỏa đáng và giao cháu Ca cho ông T nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ca.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà Đ và ông T không có yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện bà Đ cho rằng vợ chồng không có tài sản chung nhưng tại phiên toà bà Đ và ông T cho rằng có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về công nợ chung: Do bà Đ và ông T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên cũng miễn xét.

[3] Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thu Đ được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[2] Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đặng Thị T, sinh ngày 15/11/2018 cho bà Đặng Thị Thu Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi); Giao con chung Nguyễn Đặng NC, sinh ngày 22/12/2012 cho ông Nguyễn Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Vì lợi ích về mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con. Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm nom và chăm sóc con chung.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà Đ và ông T không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung:

Về tài sản chung: Bà Đ, ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về công nợ chung: Do bà Đ và ông T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Đặng Thị Thu Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bà Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006191, ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang nay chuyển thành án phí. Như vậy, bà Đ đã nộp xong.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND Tp Phú Quốc;
- Chi cục THA dân sự Tp Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Trang